

DANH MỤC THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 03 NĂM 2025

Từ ngày 02/03/2025 đến ngày 31/03/2025

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-HCC2, ngày 12/0/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2024-2025)

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	26,00	145.000	3.770.000	Bữa Tối
	2	Quả su su	Kg	13,00	23.000	299.000	Thịt lợn xào su su
	3	Quả bí xanh	Kg	12,89	20.000	257.800	Canh bí xanh
	4	Hành lá	Kg	0,60	65.000	39.000	
	5	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,20	63.000	12.600	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	70.000	14.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau bữa cơm tối
Tổng						5.909.400	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Giò Sào	Kg	27,00	130.000	3.510.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Quả bí xanh	Kg	16,00	20.000	320.000	Bữa Trưa
	4	Gà ta lai (gà sống)	Kg	46,00	110.000	5.060.000	Giò Sào
	5	Gừng	Kg	0,60	40.000	24.000	Canh bí xanh
	6	Quả su su	Kg	17,00	23.000	391.000	Bữa Tối
	7	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Gà rang gừng
	8	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh su su
	9	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	10	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	1,00	63.000	63.000	
	11	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	12	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.789.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 03/2025)	1	Xôi đỗ xanh (lạc)	Gói	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	30,00	145.000	4.350.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	22,00	25.000	550.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	17,00	15.000	255.000	Thịt lợn nấu đậu phụ (Đậu phụ rán)
	5	Chả cá	Kg	29,00	120.000	3.480.000	Canh rau cải
	6	Quả cà chua	Kg	4,50	20.000	90.000	
	7	Quả su su	Kg	17,00	23.000	391.000	Bữa Tối
	8	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Chả cá rán sốt cà chua
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh su su
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.789.000	

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 03 NĂM 2025

Chủ Nhật (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 3/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000 \text{ đ}$

Tổng số ngày ăn Tháng 03/2025: 21,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: 20.100 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: $20.100 \times 294 = 5.909.400 \text{ đ}$

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	26,00	145.000	3.770.000	Bữa Tối
	2	Quả su su	Kg	13,00	23.000	299.000	Thịt lợn sào su su
	3	Quả bí xanh	Kg	12,89	20.000	257.800	Canh bí xanh
	4	Hành lá	Kg	0,60	65.000	39.000	
	5	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,20	63.000	12.600	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	70.000	14.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau bữa cơm tối
Tổng						5.909.400	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 03 NĂM 2025

Thứ 2 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 3/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000 \text{ đ}$

Tổng số ngày ăn Tháng 03/2025: 21,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 2: 43.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 2: $43.500 \times 294 = 12.789.000 \text{ đ}$

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Giò Sào	Kg	27,00	130.000	3.510.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Quả bí xanh	Kg	16,00	20.000	320.000	Bữa Trưa
	4	Gà ta lai (gà sông)	Kg	46,00	110.000	5.060.000	Giò sào
	5	Gừng	Kg	0,60	40.000	24.000	Canh bí xanh
	6	Quả su su	Kg	17,00	23.000	391.000	Bữa Tối
	7	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Gà rang gừng
	8	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh su su
	9	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	10	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	1,00	63.000	63.000	
	11	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	12	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.789.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 03 NĂM 2025

Thứ 3 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 03/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 3/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000 \text{ đ}$

Tổng số ngày ăn Tháng 03/2025: 21,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 3: 43.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 3: $43.500 \times 294 = 12.789.000 \text{ đ}$

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 03/2025)	1	Xôi đỗ xanh (lạc)	Gói	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	30,00	145.000	4.350.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	22,00	25.000	550.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	17,00	15.000	255.000	Thịt lợn nấu đậu phụ (Đậu phụ rán)
	5	Chả cá	Kg	29,00	120.000	3.480.000	Canh rau cải
	6	Quả cà chua	Kg	4,50	20.000	90.000	Bữa Tối
	7	Quả su su	Kg	17,00	23.000	391.000	Chả cá rán sốt cà chua
	8	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Canh su su
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.789.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 03 NĂM 2025

Thứ 4 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 03/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 3/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 03/2025: 21,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 4: 43.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 4: $43.500 \times 294 = 12.789.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 03/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	294,00	3.500	1.029.000	Bữa Sáng
	2	Giò nạc lợn (giò lụa)	Kg	25,00	165.000	4.125.000	Mì tôm
	3	Đỗ quả	Kg	4,00	30.000	120.000	Bữa Trưa
	4	Cà rốt	Kg	5,00	25.000	125.000	Sào thập cẩm Giò nạc lợn + Đỗ quả + Cà rốt
	5	Quả bí xanh	Kg	17,60	20.000	352.000	
	6	Gà ta lai (gà sông)	Kg	45,00	110.000	4.950.000	
	7	Gừng	Kg	0,70	40.000	28.000	Canh bí xanh
	8	Quả bí đỏ	Kg	17,00	20.000	340.000	Bữa Tối Gà rang gừng Canh bí đỏ
	9	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	
	10	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	1,00	63.000	63.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	
Tổng						12.789.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 03 NĂM 2025

Thứ 5 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 03/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 3/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 03/2025: 21,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 5: 43.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 5: $43.500 \times 294 = 12.789.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 03/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	23,00	145.000	3.335.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Đậu phụ	Kg	21,00	25.000	525.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	18,00	15.000	270.000	Thịt lợn nấu đậu phụ (Đậu phụ rán)
	5	Gà ta lai (gà sông)	Kg	42,00	110.000	4.620.000	Canh rau cải
	6	Gừng	Kg	0,60	40.000	24.000	Bữa Tối
	7	Quả bí xanh	Kg	17,10	20.000	342.000	Gà rang gừng
	8	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Canh bí xanh
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.789.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 03 NĂM 2025

Thứ 6 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 03/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 3/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000 \text{ đ}$

Tổng số ngày ăn Tháng 03/2025: 21,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho bữa trưa của ngày Thứ 6: 24.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho bữa trưa của ngày Thứ 6: $24.000 \times 294 = 7.056.000 \text{ đ}$

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 03/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	294,00	3.500	1.029.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	27,00	145.000	3.915.000	Mì tôm
	3	Gói gia vị thịt kho tàu	Gói	18,00	10.000	180.000	Bữa trưa
	4	Quả su su	Kg	15,70	23.000	361.100	Thịt lợn kho tàu
	5	Hành lá	Kg	0,42	65.000	27.300	Canh su su
	6	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	7	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	8	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,20	63.000	12.600	
	9	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	70.000	14.000	
	10	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau bữa cơm trưa
Tổng						7.056.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập